

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 12 – 10 – 2022

V/v Tranh chấp Hôn nhân

và Gia đình về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Hồng Vân

2. Ông Nguyễn Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022 và ngày 12 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 239/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Quách Hoàng Trung H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Chị Trần Thị Hà Nguyệt T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Anh H có mặt tại phiên tòa. Chị T vắng mặt không lý do.

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Quách Hoàng Trung H trình bày:

Về hôn nhân: Anh Quách Hoàng Trung H và chị Trần Thị Hà Nguyệt T sau thời gian tìm hiểu khoảng 02 tháng thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường B, thành phố S vào ngày 11/6/2015. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, chị T có tình cảm với người đàn ông khác nhưng không thừa nhận mà cho rằng anh H ghen tuông vô cớ. Từ đó, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Từ tháng 12/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh H nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải, anh H yêu cầu ly hôn chị T.

- Về nuôi con chung: Có 02 con tên Quách Cát T1, sinh ngày 19/9/2015 và Quách Cát T2, sinh ngày 15/11/2019 (hiện 02 con đang sống chung với chị T). Khi ly hôn anh H đồng ý giao hai con cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn chị Trần Thị Hà Nguyệt T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa do Tòa án tổng đạt đúng theo luật định, nhưng cố tình vắng mặt, không đến phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại bản khai ngày 27/9/2022, cháu Quách Cát T1 trình bày có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ và ông bà ngoại

*** Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H; Về con chung: giao cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con tên Quách Cát T1 và Quách Cát T2. Do chị T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh H về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; Về chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự trình bày không có nên không xem xét.

- Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn chị Trần Thị Hà Nguyệt T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều b, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Quách Hoàng Trung H khởi kiện yêu cầu ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ‘Tranh chấp Hôn nhân gia đình về ly hôn’. Bị đơn chị Trần Thị Hà Nguyệt T cư trú tại thành phố Sa Đéc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Xét thấy anh Quách Hoàng Trung H và chị Trần Thị Hà Nguyệt T chung sống từ năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 11/6/2015 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau kết hôn, anh H và chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2019 xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng cự cãi, làm cho tình cảm bị tổn thương rạn nứt không thể hàn gắn. Từ năm 2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, hai bên không tới lui để hòa giải hàn gắn tình cảm với nhau.

Về phía chị T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án thông báo về việc anh H yêu cầu ly hôn nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh H, không đến tham dự các buổi hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Như vậy, chị T đã từ chối các quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định. Bản thân chị T cũng không có mong muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm với anh H nên đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình.

Do đó, Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn giữa anh H và chị T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân chị T cũng không có thành ý đến Tòa để hòa giải, đoàn tụ tiếp tục chung sống với anh H. Từ năm 2020 đến nay, vợ chồng cũng không còn sống chung với nhau, không quan tâm lo lắng cho nhau. Do đó, nếu anh H và chị T đoàn tụ tiếp tục sống chung thì cũng không có hạnh phúc. Vì vậy, xét thấy việc anh H yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nuôi con chung: Có 02 con tên Quách Cát T1, sinh ngày 19/9/2015 và Quách Cát T2, sinh ngày 15/11/2019 (hiện 02 con đang sống chung với chị T). Khi ly hôn, anh H đồng ý giao hai con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay hai cháu Cát T1 và Cát T2 đang chung sống với chị T và ông bà ngoại (cha mẹ chị T), có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Về phía cháu Tường qua làm việc cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ và ông bà ngoại. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên để cháu T1 và cháu T2 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp

với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của các cháu trong sinh hoạt, học tập. Anh H được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không có thiện chí đến Tòa án để hòa giải theo quy định và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh H về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do anh H xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh H nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Quách Hoàng Trung H. Cho ly hôn giữa anh Quách Hoàng Trung H và chị Trần Thị Hà Nguyệt T.

2. Về nuôi con chung:

- Chị Trần Thị Hà Nguyệt T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Quách Cát T1, sinh ngày 19/9/2015 và Quách Cát T2, sinh ngày 15/11/2019 (hiện 02 con đang sống chung với chị T).

- Anh Quách Hoàng Trung H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Quách Hoàng Trung H nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh H đã nộp ngày 20/7/2022

theo biên lai thu số 0000896 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh ĐT;
- VKS ND TPSTĐ;
- THA Dân sự TPSTĐ;
- UBND Phường B, TPSTĐ;
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Thủy